SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO TP.HCM

**TRƯỜNG THPT GÒ VẤP**

 **ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA HỌC KỲ I - NĂM HỌC: 2023- 2024**

**MÔN: ĐỊA LÝ - KHỐI: 12**

**I. CÂU HỎI LÍ THUYẾT TRẮC NGHIỆM NỘI DUNG TỪ TUẦN 1- 13)**

 ***( HỌC SINH HÒA NHẬP HỌC CÂU HỎI CÁC BÀI 9,10,11*)**

**BÀI 9: THIÊN NHIÊN NHIỆT ĐỚI ẨM GIÓ MÙA**

Câu 1. Biểu hiện nào sau đây *không đúng* về tính chất nhiệt đới của nước ta?

A. Nhiệt độ trung bình trên 20°C B. Cán cân bức xạ luôn dương

C. Số giờ nắng cao D. Cân bằng ẩm luôn dương

**Câu 2**. Lượng mưa trung bình năm của nước ta dao động từ

A. 500-1000mm. B. 1500-2000mm C. 2000-2500mm D. 3500-4000mm

**Câu 3.** Gió mùa Tây Nam ở nước ta hoạt động trong khoảng thời gian

A. Từ tháng VII-IX. B. Từ tháng V-VII.

C. Từ tháng VI-VIII. D. Từ tháng V-X

**Câu 4**. Gió mùa Đông Bắc ở nước ta hoạt động trong khoảng thời gian

A. Từ tháng XI- IV. B. Từ tháng IV-X.

C. Từ tháng VI-VIII. D. Từ tháng V-X

**Câu 5**. Đặc điểm nhiệt độ trung bình năm trên lãnh thổ nước ta là

A. giảm dần từ Bắc vào Nam B. tăng dần từ Bắc vào Nam

C. giảm dần từ Tây sang Đông D. tăng dần từ Tây sang Đông

**Câu 6**. Khí hậu nước ta có tính chất nhiệt đới là do vị trí

A. tiếp giáp với vùng biển rộng lớn. B. nằm gần trung tâm gió mùa Châu Á.

C. nằm ở bán cầu Bắc. D. nằm trong vùng nội chí tuyến.

**Câu 7**. Tính chất của gió mùa mùa Đông là

A.lạnh ầm ,có mưa nhiều B.nóng ẩm , mưa nhiều

C.nóng khô ,ít mưa D.lạnh khô,ít mưa

**Câu 8**. Vào đầu mùa hạ gió mùa Tây Nam gây mưa ở vùng :

A. Nam Bộ. B. Tây Nguyên và Nam Bộ.

C. Phía Nam đèo Hải Vân. D.Trên cả nước.

**Câu 9**. Đặc điểm nào sao dây không đúng của gió mùa mùa hạ?

A. Xuất phát từ Bắc Ấn Độ Dương B. Gió thổi theo hướng Tây Nam

C. Mưa nhiều ở Tây Nguyên và Nam Bộ D. Mưa nhiều ở Bắc Bộ vào đầu mùa hạ

**Câu 10**. Đặc điểm nào sao dây không đúng của gió mùa mùa đông?

A. Xuất phát từ áp thấp Xibia B. Gió thổi theo hướng Đông Bắc

C.Xuất phát từ áp cao Xibia D. Có tính chất lạnh,ít mưa

**Câu 11**. Nước ta có lượng mưa và độ ẩm lớn là do

A. nằm trong vùng nội chí tuyến B. ảnh hưởng của gió mùa

C. ảnh hưởng của biển Đông D. địa hình chủ yếu là đồi núi

**Câu 12**. Gió phơn Tây Nam hoạt động ở khu vực nào của nước ta?

A. Tây Nguyên. B. Bắc Trung Bộ và phần nam của khu vực Tây Bắc.

C. Duyên hải Nam Trung Bộ D. Đồng bằng Nam Bộ và Tây Nguyên.

**Câu 13**. Vùng núi nào sau đây chịu ảnh hưởng trực tiếp của gió mùa Đông Bắc?

A. Đông Bắc B. Tây Bắc. C. Trường Sơn Bắc D. Trường Sơn Nam

**Câu 14**. Đồng bằng Sông Hồng có nền nhiệt độ thấp hơn Đồng bằng sông Cửu Long là do

ảnh hưởng của

A. gió mùa Đông Bắc B. gió mùa Tây Nam.

C. gió Tây khô nóng D. gió Tín Phong Bắc bán cầu

**Câu 15**. Từ tháng XI đến tháng IV,Tây Nguyên và Nam Bộ là mùa khô do ảnh hưởng của

A. gió mùa Đông Bắc B. gió mùa Tây Nam.

C. gió Tây khô nóng D. gió Tín Phong Bắc bán cầu

**Bài 10: THIÊN NHIÊN NHIỆT ĐỚI ẨM GIÓ MÙA (TT)**

**Câu 1**. Biểu hiện của địa hình xâm thực mạnh ở miền núi là

A. diện tích rừng giảm mạnh B. nước sông chảy mạnh

C. hiện tượng đất trượt, đá lở D. bề mặt địa hình được bồi tụ

**Câu 2**. Đất hình thành ở miền khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa chủ yếu là

A. đất phù sa B. đất mặn C. đất phèn D. đất pheralit

**Câu 3**. Hệ sinh thái rừng đặc trưng cho khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa là

A. rừng lá rụng B. rừng lá kim

C. rừng nhiệt đới lá rộng thường xanh D. rừng cận nhiệt và ôn đới

**Câu 4**. Đồng bằng Sông Hồng quá trình bồi tụ diễn ra mạnh ở

A. phía đông nam B. phía tây nam C. phía nam D. phía đông

Câu 5. Đồng bằng Sông Cửu Long quá trình bồi tụ diễn ra mạnh ở

A. phía đông nam B. phía tây nam C. phía nam D. phía đông

**Câu 6**. Chỉ tính các con sông có chiều dài trên 10 km, thì nước ta có

A. 2360 B. 3260 C. 4600 D. 2100

**Câu 7**. Loại đất đặc trưng cho vùng đồi núi thấp Việt Nam

A. đất pheralit B. đất phù sa C. đất xám phù sa cổ D. đất mùn thô

**Câu 8**. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa ảnh hưởng mạnh nhất đến ngành kinh tế

A. nông nghiệp B. công nghiệp C. du lịch D. giao thông vận tải

**Câu 9**. Hệ sinh thái nào được thể hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta?

A. Rừng lá rộng và rừng hổn hợp

B. Thực động vật thích hợp với khí hậu ôn đới hải dương

C. Thực, động vật nhiệt đới chiếm ưu thế

D. Các loài thực vật ở rừng thảo nguyên

**Câu 10**. Đặc điểm nào không đúng của sông ngòi nước ta?

A. Tổng lượng nước lớn B. Mạng lưới sông ngòi dày đặc

C. 60% lượng nước bắt nguồn trong nước D. Chế độ nước theo mùa

**Câu 11**. Đây không phải là biểu hiện của địa hình xâm thực mạnh ở đồi núi?

A. Hiện tượng đá lỡ, đất trượt

B. Hình thành địa hình các tơ

C. Hình thành các cao nguyên badan

D. Tạo các đồi thấp xen các thung lũng rộng

**Câu 12**.Nguồn cung cấp nước chính cho sông ở nước ta là

A. nước mưa B. băng tan

C. nước ngầm D. nước chảy tràn trên mặt đất

**Câu 13**. Hai quá trình chính trong sự hình thành và biến đổi địa hình Việt Nam

A. quá trình phong hóa – bồi tụ B. quá trình vận chuyển - bồi tụ

C. quá trình thổi mòn – bồi tụ D. quá trình xâm thực – bồi tụ

**Câu 14**. Đất pheralit nước ta có màu đỏ vàng là do

A. dung nham núi lửa phun trào B. tích tụ oxit sắt và oxít nhôm

C. tích tụ nhiều bazơ như: caxi, magiê D. do hình thành trên đá mẹ axit

**Câu 15**. Đất pheralít thuận lợi cho phát triển

A. cây lương thực B. cây công nghiệp ngắn ngày

C. cây công nghiệp dài ngày D. cây dược liệu

**Bài 11: THIÊN NHIÊN PHÂN HÓA ĐA DẠNG**

**Câu 1**. Giới hạn thiên nhiên phần lãnh thổ phía Bắc từ

A. dãy Bạch Mã trở vào B. dãy Bạch Mã trở ra

C. dãy Hoành Sơn trở vào D. dãy Hoành Sơn trở ra

**Câu 2**. Câu nào sau đây không đúng khi nói về phần lãnh thổ phía Nam?

A. Khí hậu cận xích đạo gió mùa

B. Nhiệt độ trung bình lớn hơn 200C

C. Biên độ nhiệt năm lớn

D. Không có tháng lạnh dưới 200C

**Câu 3**. Vùng đồng bằng nào vào mùa đông trồng được rau ôn đới?

A. Đồng bằng Thanh - Nghệ - Tĩnh

B. Đồng bằng Nam Bộ

C. Đồng bằng Bắc Bộ

D. Đồng bằng Nam – Ngãi - Định

**Câu 4**. Từ Đông sang Tây thiên nhiên nước ta có sự phân hóa thành

A. vùng biển và thềm lục địa, đồng bằng ven biển, đồi núi

B. vùng đồi núi, đồng bằng ven biển, biển và thềm lục địa

C. vùng đồng bằng ven biển, đồi núi, biển và thềm lục địa

D. Vùng đồng bằng ven biển, biển và thềm lục địa, đồi núi

**Câu 5**. Địa hình hẹp ngang và bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ là đặc điểm tiêu biểu của vùng

A. đồng bằng Bắc Bộ B. Đông Nam Bộ

C. đồng bằng ven biển Trung Bộ D. đồng bằng sông Cửu Long

**Câu 6**. Nhiệt độ trung bình phần lãnh thổ phía Nam (0C)

 A.18 – 20 B. 20 -22 C. 22 -24 D. Trên 25

**Câu 7**. Kiểu khí hậu đặc trưng của thiên nhiên phần lãnh thổ phía Bắc:

A. nhiệt đới gió mùa B. cận xích đạo gió mùa

C. nhiệt đới gió mùa có mùa đông lạnh D. ôn đới gió mùa

Câu 8. Thềm lục địa phía Bắc và phía Nam có đặc điểm

A. nông và hẹp B. nông và rộng C. sâu và rộng D. sâu và hẹp

**Câu 9**. Sự thay đổi khí hậu theo kinh độ làm cho thiên nhiên phân hóa theo:

A. Bắc – Nam B. Đông – Tây C. Độ Cao D. Hướng địa hình

**Câu 10**. Nhiệt độ trung bình phần lãnh thổ phía Bắc thấp hơn lãnh thổ phía Nam do ảnh hưởng

A. gió mùa tây nam B. gió tín phong nửa cầu Bắc

C. gió tín phong nửa cầu Nam D. gió mùa đông bắc

**Câu 11**. Nguyên nhân chính làm cho vùng núi cao Tây Bắc có cảnh quan thiên nhiên giống như vùng ôn đới do

A. gió mùa đông bắc B. gió mùa tây nam

C. độ cao địa hình D. hướng núi

**Câu 12**. Đặc điểm không đúng về sự khác biệt giữa Đông Trường Sơn và Tây Nguyên:

A. Đông Trường Sơn có mưa vào thu – đông

B. Tây Nguyên có mưa vào mùa hạ

C. có sự đối lập giữa mùa mưa và mùa khô

D. đông Trường Sơn không chịu ảnh hưởng của gió phơn

**Câu 13**. Vùng chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của gió mùa Đông Bắc là

A. Đông Bắc B. Tây Bắc C. Tây Nguyên D. Đông Trường Sơn

**Câu 14**. Vùng nào có mùa đông đến sớm và kết thúc muộn?

A. Tây Nguyên B. Tây Bắc C. Đông Trường Sơn D. Đông Bắc

**Câu 15**. Nguyên nhân làm cho thiên nhiên vùng đồi núi phân hóa Đông - Tây rất phức tạp

chủ yếu do tác động

A. gió mùa và độ cao địa hình B. độ cao địa hình và vị trí địa lí

C. vị trí địa lí và hướng các dãy núi D. hướng các dãy núi và gió mùa

**Bài 12: THIÊN NHIÊN PHÂN HÓA ĐA DẠNG (Tiếp theo)**

**Câu 1**. Ở miền Bắc đai nhiệt đới gió mùa có độ cao

A. dưới 600 -700m B. từ 600 -700m đến 2600m

C. từ 900 - 1000m đến 2600m D. từ 2600m trở lên

**Câu 2**. Loại khoáng sản có trữ lượng lớn ở miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là

A. sắt B. thiếc C. than D. dầu khí

**Câu** 3. Vùng có đủ ba đai cao ở nước ta là

A. Đông Bắc B. Trường Sơn Bắc C. Tây Bắc D. Trường Sơn Nam

**Câu 4**. Đất mùn thô có chủ yếu ở đai

A. nhiệt đới gió mùa B. cận nhiệt gió mùa trên núi

C. ôn đới gió mùa trên núi D. nhiệt đới ẩm gió mùa

**Câu 5**. Trong đai nhiệt đới gió mùa nhóm đất chiếm diện tích lớn nhất là

A. đất phù sa B. đất feralit C. đất phèn D. đất mặn

**Câu 6**. Giới hạn phía bắc miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là

A. dãy Bạch Mã B. dãy Hoành Sơn C. sông Cả D. dãy Tam Điệp

**Câu 7**. Ranh giới phía tây, tây nam miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ

A. tả ngạn sông Hồng B. hữu ngạn sông Hồng C. sông Cả D. sông Mã

**Câu 8**. Các thiên tai thường xảy ra ở miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ là

A. bão lũ, trượt lở đất, hạn hán B. ngập lụt vào mùa mưa

C. thiếu nước vào mùa khô D. động đất

**Câu 9**. Hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh hình thành ở

A. vùng núi thấp, mưa nhiều khí hậu ẩm ướt

B. nơi có khí hậu từ khô đến ẩm ướt

C. vùng núi cao, khí hậu mát mẻ

D. khu vực mưa nhiều, khí hậu mát mẻ

**Câu 10**. Địa hình nên miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ thuận lợi

A.chăn nuôi gia súc, phát triển cây công nghiệp

B. trồng cây lương thực và phát triển du lịch

C. chăn nuôi gia súc nhỏ và trồng cây ăn quả

D. phát triển cây công nghiệp hàng năm

**Câu 11**. Hệ sinh thái rừng nào sau đây không phải trên các loại thổ nhưỡng đặc biệt

A. hệ sinh thái rừng tràm

B. rừng có cấu trúc nhiều tầng với ba tầng cây gỗ

C. rừng ngập mặn

D. hệ sinh thái xa van, cây bụi gai nhiệt đới khô trên đất cát

**Câu 12**. Nguyên nhân nào tạo nên sự phân hóa thiên nhiên theo độ cao ?

A. sinh vật B. địa hình C. vĩ độ D. kinh độ

**Câu 13**. Trở ngại lớn trong sử dụng tự nhiên ở miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ

A. thiếu nước vào mùa khô B. nạn cát bay, cát chảy

C. thất thường của nhịp điệu khí hậu D. hạn hán thường xuyên xảy ra

**Câu 14**. Phát biểu nào sau đây không đúng về tự nhiên đối với miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ?

A. Tập trung dầu khí trữ lượng lớn

B. Ven biển có rừng ngập mặn phát triển

C. Bờ biển khúc khuỷu, có nhiều vịnh biển sâu

D. Tính không ổn định của thời tiết là trở ngại lớn của miền

**Câu 15**. Đặc điểm không thuộc vùng núi Tây Bắc nước ta là

A. địa hình cao có dãy núi xen kẻ thung lũng sông

B. có các cao nguyên đá vôi

C. có các dãy núi cao trung bình

D. chủ yếu có các cao nguyên ba dan

**Bài 14. SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN**

**Câu 1**. Mặc dù tổng diện tích rừng đang dần tăng lên , nhưng tài nguyên rừng vẫn suy thoái, vì

A. rừng giàu hiện nay còn rất ít .

B. chất lượng rừng chưa thể phục hồi .

C. diện tích rừng nghèo và rừng non mới phục hồi chiếm phần lớn.

D. diện tích rừng nghèo và rừng phục hồi tăng lên.

**Câu 2**. Biện pháp bảo vệ rừng sản xuất ở nước ta là

A. thành lập thêm các Vườn quốc gia, các khu bảo tồn.

B. duy trì phát triển diện tích và chất lượng rừng.

C. bảo vệ cảnh quan và đa dạng sinh vật.

D. tăng cường quản lí vốn rừng.

**Câu 3**. Trong những năm gần đây, tỉ lệ độ che phủ rừng nước ta có xu hướng

A. không tăng B. tăng lên C. giảm đi D. tăng, giảm không ổn định

**Câu 4**. Biện pháp để bảo vệ tài nguyên đất nông nghiệp là

A. thực hiện kĩ thuật canh tác trên đất dốc.

B. sử dụng biện pháp nông - lâm kết hợp.

C. thâm canh nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

D. ngăn chặn nạn du canh du cư.

**Câu 5**. Vai trò chính của rừng đầu nguồn là

A. bảo tồn nguồn gen sinh vật.

B. điều hòa nguồn nước cho các hồ thủy điện.

C. điều hòa nguồn nước giữ đất.

D. tham quan du lịch.

**Câu 6.** Theo qui hoạch đến năm nào Nhà nước và nhân dân hoàn thành mục tiêu trồng mới 5

triệu ha rừng?

A. 2005 B. 2010 C. 2015 D. 2020

**Câu 7.** 70% diện tích rừng của nước ta là

A. rừng giàu và trung bình B. rừng phòng hộ

C. rừng đặc dụng D. rừng nghèo và rừng mới phục hồi

**Câu 8.** Đâu là biểu hiện suy thoái đất ở đồng bằng của nước ta

A. đất bị ô nhiễm và canh tác quá mức

B. đất bị bạc màu trơ sỏi đá

C. đất bị xói mòn, rửa trôi, xâm thực

D. đất trống, đồi núi trọc gia tăng

**Câu 9** Giá trị kinh tế của tài nguyên rừng là

A. cung cấp gỗ, dược phẩm, phát triển du lịch.

B. chống xói mòn đất, hạn chế lũ lụt.

C. điều hòa khí quyển, giữ mực nước ngầm.

D. ngăn lũ quét, chống xói mòn.

**Câu 10**. Để bảo vệ đất đồi núi cần quan tâm đến việc

A. quản lí sử dụng vốn đất hợp lí .

B. sử dụng các biện pháp chống suy thoái đất .

C. áp dụng tổng thể các biện pháp chống xói mòn đất .

D. phòng ngừa ô nhiễm môi trường đất.

**Câu 11**. Nguồn gây ô nhiễm môi trường nước trên diện rộng chủ yếu hiện nay ở nước ta là

A. chất thải của hoạt động du lịch

B. nước thải công nghiệp và đô thị

C. thuốc trừ sâu và hóa chất dư thừa trong nông nghiệp

D. chất thải sinh hoạt của các khu dân cư

**Câu 12**. Nguyên nhân về mặt tự nhiên làm suy giảm đa dạng sinh vật ở nước ta là

A. chiến tranh tàn phá các khu rừng , các hệ sinh thái .

 B. sự biến đổi thất thường của khí hậu Trái Đất gây ra nhiều thiên tai.

C. săn bắt , buôn bán trái phép các động vật hoang dã .

D. ô nhiễm môi trường .

**Câu 13**. Hiện tượng nào dưới đây không phải là hậu quả của việc mất rừng

1. lũ lụt gia tăng. B. đất trượt, đá lỡ. C. khí hậu biến đổi. D. động đất.

**Câu 14**. Để chống xói mòn trên đất dốc ở vùng đồi núi, về mặt kĩ thuật canh tác cần thực hiện biện pháp

A. làm ruộng bậc thang. B. bảo vệ rừng và đất rừng.

C. ngăn chặn nạn du canh, du cư D. áp dụng biện pháp nông- lâm kết hợp.

**Câu 15**. Ý nào sau đây không thể hiện được tính đa dạng sinh học

A. vùng phân bố. B. số lượng thành phần loài.

C. các kiểu hệ sinh thái. D. nguồn gen.

**II. CÂU HỎI KĨ NĂNG ( CÂU HỎI ÁT LÁT VÀ BẢNG SỐ LIỆU)**

**Câu 1**. Căn cứ vào Atlat Địa lý Việt Nam trang Khí hậu, hãy cho biết vùng khí hậu nào sau đây chịu ảnh hưởng tần suất bão cao nhất nước ta?

A. Bắc Trung Bộ B. Nam Trung Bộ C. Nam Bộ D. Đông Bắc Bộ

**Câu 2**. Căn cứ vào Atlat Địa lý Việt Nam trang Khí hậu, hãy cho biết gió mùa mùa đông thổi vào nước ta theo hướng nào?

A. Đông Bắc B.Tây Bắc C. Tây Nam D. Đông Nam

**Câu 3**. Căn cứ vào Atlat Địa lý Việt Nam trang Khí hậu, hãy cho biết gió mùa mùa hạ thổi vào nước ta theo hướng nào?

A. Tây Nam B.Tây Bắc C. Đông Nam D. Đông Bắc

**Câu 4**. Căn cứ vào Atlat Địa lý Việt Nam trang Khí hậu, hãy cho biết vùng khí hậu nào chịu ảnh hưởng nhiều nhất của gió Tây khô nóng?

A. Bắc Trung Bộ B. Nam Trung Bộ D. Nam Bộ D.Tây Bắc Bộ

**Câu 5.** Căn cứ vào Atlat Địa lý Việt Nam trang Thực vật và động vật, hãy cho biết các khu dự trữ sinh quyển thế giới nào được sắp xếp theo thứ tự từ Bắc vào Nam?

A. Cát Bà, Cù Lao Chàm, Cần Giờ

B. Cù Lao Chàm, Cát Bà, Cần Giờ

C. Cần Giờ, Cát Bà, Cù Lao Chàm

D. Cần Giờ, Cù Lao Chàm, mũi Cà Mau

**Câu 6**. Căn cứ vào Atlat Địa lý Việt Nam trang Thực vật và động vật, các vườn quốc gia lần lượt từ Bắc vào Nam?

A. Ba Bể, Chư Mom Ray, Cát Tiên

B. Ba Bể, Cát Tiên, Chư Mom Ray

C. Chư Mom Ray, Cát Tiên, Ba Bể

D. Chư Mom Ray, Ba Bể, Cát Tiên

**Câu 7.** Căn cứ vào Atlat Địa lý Việt Nam trang Thực vật và động vật, hãy cho biết trong các đảo sau, hiện nay đảo nào đang có vườn quốc gia:

A. Phú Quốc B. Phú Quý C. Lý Sơn D. Bạch Long Vĩ

Câu 8. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, ranh giới tự nhiên giữa vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc là

A. sông Hồng B.sông Đà D. sông Mã D. sông Cả

**Câu 9**. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, đỉnh Phanxipăng thuộc dãy núi

A. Con Voi B. Hoàng Liên Sơn C. Trường Sơn Bắc D.Tam Điệp

**Câu 10**. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, đỉnh núi nào sau đây không thuộc vùng núi Đông Bắc?

A. Tây Côn Lĩnh B. Phu Luông C. Kiều Liêu Ti D. Pu Tha Ca

**Câu 11**. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, dãy núi nào sau đây không chạy theo hướng Tây Bắc Đông Nam?

A. Bạch Mã B. Hoàng Liên Sơn C. Trường Sơn Bắc D. Pu Đen Đinh

**Câu 12**. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, đỉnh núi cao nhất ở miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ là:

A. Phanxipăng B. Phu Luông C. Pu Trà D. Pu Hoạt

**Câu 13.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, đèo Hải Vân thuộc dãy núi

A. Bạch Mã B. Hoàng Liên Sơn C. Trường Sơn Bắc D. Hoành Sơn

**Câu 14**. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, nhận định đúng nhất về đặc điểm của bốn cánh cung ở vùng núi Đông Bắc

A. song song với nhau

B. so le với nhau

C. chụm lại ở Tam Đảo mở rộng về phía Bắc và Đông

D. có hướng Tây Bắc - Đông Nam

**Câu 15** .Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, nhận định đúng nhất về đặc điểm địa hình của vùng núi Trường Sơn Nam là

A. địa hình cao nhất cả nước

B. gồm nhiều dãy núi theo hướng Tây Bắc – Đông Nam

C. gồm các khối núi và cao nguyên

D. gồm các các cánh cung song song với nhau

**Câu 16**. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cao nguyên có độ cao cao nhất ở vùng núi Trường Sơn Nam là

A. Kon Tum B. Đắk Lắk C. Mơ Nông D. Lâm Viên

**Câu 17**. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 14, lát cắt địa hình A - B đi theo hướng

A. Tây Nam - Đông Bắc B. Đông Nam – Tây Bắc

C. Bắc –Nam D. Đông - Tây

**Câu 18**. Cho bảng số liệu sau:

SỰ BIẾN ĐỘNG DIỆN TÍCH RỪNG QUA MỘT SỐ NĂM

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | Tổng diện tích córừng (triệu ha) | Diện tích rừng tựnhiên (triệu ha) | Diện tích rừngtrồng (triệu ha) | Độ che phủ(%) |
| 1943 | 14,3 | 14,3 | 0 | 43 |
| 1983 | 7,2 | 6,8 | 0,4 | 22 |
| 2005 | 12,7 | 10,2 | 2,5 | 38 |

 *(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lý 12, NXB GD & ĐT, 2008)*

Nhận xét nào sau đây không đúng với bảng số liệu trên?

A. Diện tích rừng rừng trồng tăng ít hơn diện tích rừng tự nhiên

B. Diện tích rừng tự nhiên và diện tích rừng trồng đều giảm

C. Diện tích rừng tự nhiên nhiều hơn diện tích rừng trồng

D. Diện tích rừng trồng tăng, diện tích rừng tự nhiên giảm

**Câu 19.** Cho bảng số liệu sau:

SỰ BIẾN ĐỘNG DIỆN TÍCH RỪNG QUA MỘT SỐ NĂM

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | Tổng diện tích córừng (triệu ha) | Diện tích rừng tựnhiên (triệu ha) | Diện tích rừngtrồng (triệu ha) | Độ che phủ(%) |
| 1943 | 14,3 | 14,3 | 0 | 43 |
| 1983 | 7,2 | 6,8 | 0,4 | 22 |
| 2005 | 12,7 | 10,2 | 2,5 | 38 |

*(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lý 12, NXB GD & ĐT, 2008)* Theo bảng trên, hãy cho biết nhận xét nào sau đây đúng về tổng diện tích có rừng và độ che phủ rừng giai đoạn 1943 – 1983?

A. Tổng diện tích có rừng giảm và tỷ lệ độ che phủ rừng tăng

B. Tổng diện tích có rừng tăng và tỷ lệ độ che phủ rừng giảm

C. Tổng diện tích có rừng và tỷ lệ độ che phủ rừng đều tăng

D. Tổng diện tích có rừng và tỷ lệ độ che phủ rừng đều giảm

**Câu 20.** Cho bảng số liệu sau:

LƯỢNG MƯA, LƯỢNG BỐC HƠI CỦA MỘT SỐ ĐỊA ĐIỂM

*(Đơn vị: mm)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Địa điểm | Lượng mưa | Lượng bốc hơi |
| Hà Nội | 1676 | 989 |
| Huế | 2868 | 1000 |
| TP. Hồ Chí minh | 1931 | 1686 |

*(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lý 12, NXB GD & ĐT, 2008)*

Dựa vào bảng số liệu trên, vì sao Hà Nội có lượng bốc hơi thấp nhất

A. Ảnh hưởng của gió mùa Tây Nam B. Do có mùa khô sâu sắc

C. Nền nhiệt độ thấp D. Ảnh hưởng dải hội tụ nhiệt đới

**Câu 21**. Cho bảng số liệu

LƯỢNG MƯA VÀ LƯỢNG BỐC HƠI VÀ CÂN BẰNG ẨM CỦA MỘT SỐ ĐỊA ĐIỂM

*(Đơn vị: mmmm)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Địa điểm | Lượng mưa | Bốc hơi | Cân bằng ẩm |
| Hà Nội | 1676 | 989 | +687 |
| Huế | 2868 | 1000 | +1868 |
| TP Hồ Chí Minh | 1931 | 1686 | +245 |

*(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lý 12, NXB GD & ĐT, 2008)*

Nhận xét nào sau đây đúng với bảng số liệu trên?

A. Lượng mưa tăng dần từ Bắc vào Nam

B. Lượng bốc hơi tăng dần từ Bắc vào Nam

C. Cân bằng ẩm tăng dần từ Bắc vào Nam

D. Lượng bốc hơi giảm dần từ Bắc vào Nam

**Câu 22**. Cho bảng số liệu sau:

SỰ BIẾN ĐỘNG DIỆN TÍCH RỪNG QUA MỘT SỐ NĂM

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Năm | Tổng diện tích có | Diện tích rừng tự | Diện tích rừng |
|  | rừng (triệu ha) | nhiên (triệu ha) | trồng (triệu ha) |
| 1943 | 14,3 | 14,3 | 0 |
| 1983 | 7,2 | 6,8 | 0,4 |
| 2005 | 12,7 | 10,2 | 2,5 |

*(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lý 12, NXB GD & ĐT, 2008)*

Theo bảng trên, tính tỷ lệ độ che phủ rừng năm 2005 của nước ta, biết rằng tổng diện tích 331.212 km2?

A. 22% B. 37% C. 38% D. 43%

**Câu 23.** Cho bảng số liệu sau:

LƯỢNG MƯA VÀ LƯỢNG BỐC HƠI VÀ CÂN BẰNG ẨM CỦA MỘT SỐ ĐỊA ĐIỂM

*(Đơn vị: mm)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Địa điểm | Lượng mưa | Bốc hơi |
| Hà Nội | 1676 | 989 |
| Huế | 2868 | 1000 |
| TP Hồ Chí Minh | 1931 | 1686 |

*(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lý 12, NXB GD & ĐT, 2008)*

Theo bảng trên, tính lượng cân bằng ẩm (mm) ở Huế?

A. +245 B. +687 C. +1688 D. +1868

**Câu 24.** Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH RỪNG CỦA NƯỚC TA QUA MỘT SỐ NĂM

*(Đơn vị: triệu ha)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 1943 | 1975 | 1983 | 1990 | 1999 | 2003 |
| Tổng diện tích rừng | 14,3 | 9,6 | 7,2 | 9,2 | 10,9 | 12,1 |
| Rừng tự nhiên | 14,3 | 9,5 | 6,8 | 8,4 | 9,4 | 10,0 |
| Rừng trồng | 0,0 | 0,1 | 0,4 | 0,8 | 1,5 | 2,1 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê 2005)*

Để thể hiện bảng số liệu diện tích rừng của nước ta qua một số năm, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

A. Cột chồng B. Cột đôi C.Cột đơn D. Kết hợp (cột và đường)

**Câu 25**. Cho bảng số liệu:

BIẾN ĐỘNG DIỆN TÍCH ĐẤT TRỐNG ĐỒI TRỌC Ở NƯỚC TA

*(Đơn vị: triệu ha)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 1975 | 1983 | 1990 | 1995 | 1999 | 2003 | 2006 |
| Diện tích | 10,6 | 13,8 | 10,0 | 9,8 | 8,3 | 6,8 | 5,3 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê 2008)*

Dựa vào bảng số liệu trên, hãy nhận xét về biến động diện tích đất trống đồi trọc nước

ta từ năm 1975 đến 2006 là

A. giảm 3,3 triệu ha B. giảm 4,3 triệu ha

C. giảm 5,3 triệu ha D. giảm 6,3 triệu ha

**Câu 26**. Cho bảng số liệu:

BIẾN ĐỘNG DIỆN TÍCH ĐẤT TRỐNG ĐỒI TRỌC Ở NƯỚC TA

*(Đơn vị: triệu ha)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 1975 | 1983 | 1990 | 1995 | 1999 | 2003 | 2006 |
| Diện tích | 10,6 | 13,8 | 10,0 | 9,8 | 8,3 | 6,8 | 5,3 |

Để thể hiện sự biến động diện tích đất trống đồi trọc ở nước ta từ 1975 – 2006, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

A. Cột B. Đường C.Tròn D. Miền

**Câu 27**. Cho bảng số liệu:

BIẾN ĐỘNG DIỆN TÍCH ĐẤT TRỐNG ĐỒI TRỌC Ở NƯỚC TA

*(Đơn vị: triệu ha)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 1975 | 1983 | 1990 | 1995 | 1999 | 2003 | 2006 |
| Diện tích | 10,6 | 13,8 | 10,0 | 9,8 | 8,3 | 6,8 | 5,3 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê 2008)*

Diện tích đất trống đồi trọc nước ta theo bảng số liệu trên có xu hướng:

A. Tăng liên tục B. Giảm không liên tục

C. Giảm liên tục D. Ổn định

 **..............HẾT.............**